

LƯỢNG XỬ NẶNG NHE NGHI

Của Thích Đạo Tuyên - biên tập

PHẦN ĐẦU

Thuở xưa tôi ở Đế Kinh các Hội giảng ở khắp nơi, các văn sâu xa nghĩa kín đáo hết lòng tìm cầu chưa hề trình bày chỉ có nặng nề làm chỗ cốt yếu. Phụ vào sự hợp cơ, phần nhiều tùy theo tình ý. Rộng tìm chỗ y cứ, văn nghĩa không có chỗ nương theo, trước là chỗ y cứ của luật sư Thừa Thủ, riêng tính bật chiếu, soi xưa đoạt nay, số sao chất cao như núi, người học nhóm họp như mây, đều nhảy theo dòng sáng của năm bộ, mở rộng nghi biểu của mọi người, theo sự mà hành dụng mênh mông khó phân, người học chỉ có thể nhìn lên núi mà tìm đường đi, chưa thông chỗ phải dùi mài. Tôi có thưa thỉnh chỉ dứt trừ thẳng nầy, không còn nghi ngờ, bèn bảo tôi rằng: Người giảng nói phải hiểu rộng nhiều phương, đâu chỉ thấy có một điều mà giảng thành được. Giống như chấp thân, cõi nước mười thành, không thể theo cả hai. Lại vì thọ chúng các bộ, tùy theo tướng mà mở riêng. Nếu hạn cuộc một văn thì không thể lưu thông các thuyết. Tôi bèn vỗ ngực than thở, học gốc tự nhiên gồm tha, nay tùy theo duyên nhỏ nhặt mà mở rộng chỗ dính mắc, há gọi là rộng chiêm ngưỡng cơ giáo mà giúp cho phong tục đương thời. Cho nên các luật trì phạm, nói phải quấy lẫn nhau, loại vật nặng nhẹ y cứ suy lường rất nhiều, chỉ y theo thể của thọ tranh chấp tự dứt. Nay ở Thân Châu lưu hành luật Tứ Phần rất rộng, dùng luật nầy làm gốc, bao gồm các bộ thành văn thì việc gì mà không rõ ràng, nghĩa gì mà không giải quyết được. Tôi bèn san bổ chương cũ, soạn thuật sự sao, tuy thể hài hòa nhau nhưng sung văn y cứ rõ ràng, vẫn còn sợ ý dụng chưa hoàn hảo, sự cần phải lưu thông rộng và đích thân nghe. Đến đời Đường niên hiệu Trinh Quán năm thứ tư, tôi quyết chí tìm cầu sự kỳ lạ, khắp người truyền thấy rất nhiều, đều bộ tụng lời giữ văn. Hà Dương y theo số y cứ đoán, lời lẽ phiến toái, tiếp nối liền nhau. Có Luận sư ở quận Ngụy, cũng nổi tiếng một phương, soạn thuật văn số, riêng đến núi đông, nhân qua theo Ngài thưa hỏi chỗ nghi ngờ mà phong văn cách nghĩa, lời kín

rộng sâu, không học giữ câu mà đội tiêu, ngoài nghe mở chương mà dứt nghĩ, cũng do nặng nhẹ khó đoán riêng chép văn số, nhưng trước sau lộn xộn phiền nhiễu, sự nghĩa lẫn lộn, đó là một góc tuệ còn chưa thông phương cùng làm.

Nay trước y cứ Sao Xưa, lại dẫn chỗ nghe, khoa y cứ sự loại chép thành kiện riêng, gọi là Nghi thức “Lượng Xử Nặng Nhẹ”. Vốn vật nhẹ vật nặng đều mong giúp đạo, đạo ở hư không thông nghĩa chẳng hạn cuộc ở y cứ, đều là do nhân, tăng lợi mà được vật này. Sau khi chết trở lại nhập vào vật của tăng, khiến hai tăng hoại vật thọ dụng (tức thường trụ tăng và hiện tiền tăng, đều gánh vật lợi nặng nhẹ).

Hai thí có sự thấm nhuần của dòng nước (nghĩa là bảy chúng đạo tục đều thực hành bố thí cho tăng chúng). Cho nên đều xếp vào tăng, không thuộc Phật và Pháp, chấp nhận đều vào tăng, lý cũng thông suốt, vật cũng có nặng nhẹ hai thứ khác nhau, cho nên trong luật Phật xếp vào vật đều xếp vào tăng, đến luận phụ việc mới chia hai thứ riêng. Do này y theo nghĩa xử đoán phải rõ. Cho nên đối với nặng nhẹ sâu thêm gấp bội, vì nói ngược với nặng nhẹ thì hoại hai kiến. Văn luật chánh đoán không chấp nhận năm chúng cho nên thiếu suy nghĩ tìm tòi. Nhưng vì vật loại khó thấu, lời bộ xen thiếu, các giáo hiện có không ghi chép đủ, y cứ văn phụ việc lạm cong buông suy nghĩ. Vật đã hiện tiền, nghĩa phải quyết dứt, tự xưa truyền trao đại khái, nương nhau chỉ việc lẫn lộn như sông Hán mù mịt xa tít.

Tôi thường đối với con đường này do dự chưa dẫn, thường lúc rảnh rang nghiệp chánh, cố ý suy nghĩ, y cứ giáo mà gởi tình, ít biết phép tắc, nhưng các sư hành sự người thông ngộ ít có, tùy chỗ thấy mà lập nghĩa.

Sáu, đoán nặng nhẹ đều có y cứ rõ ràng, lại cũng khó tìm, nay chỉ lấy một phán chung cho các thuyết, tức lấy ngay luật làm chánh văn cầu trên dưới, văn hoặc ẩn hiện chẳng rõ đoán, thì liên quan cả các bộ, lệ quyết thành nhau, ngõ hầu nay thấu giềng mỗi chủng loại, khoa điều có đầu mối, dụng đủ không buồn giúp cả nhân duyên cần ý để nhiếp khắp tài vật nuôi sống, gồm thấu các đồ vật, nương vào sự quyết chậm lỗi nghi, đến khi định nghi nặng nhẹ, chấp vật xét văn không xem mặt người, tùy cơ chọn lọc, thí như đồng tay, mong lo kẻ đạo, khi lại mở tìm chân khiến phạm lỗi, cực hình trừ chân vì rất đổi lằm. Nhưng tình người kỳ hẹp ứng, kết chẳng là không, biết sự thì riêng tự lợi dẫn nặng. Việc tăng thì riêng tự lối, dẫn nặng theo nhẹ, đảo lộn hôn tình cần xem cuối cùng (nương nghe, sáu trăm đoạn lựa vào nặng, che gió ngăn người vào

loại nhẹ). Người xuất gia y theo đạo càng phải gắng tâm, tập tục xấu lòng cạn lâu dứt bỏ.

Lại liên tục Hoa Di, nghi hình đồ đạt phong tục đã riêng, gọi vật cũng khác, điều chỉnh thí dụ để giải quyết. Biết nhẹ, nặng tự riêng ban đầu chưa gồm xem đủ phép tắc thí dụ. Tội soạn San Bồ Hành Sự Sao, ba quyển, thiên chia ra thượng, trung, hạ, có ba mươi môn khác nhau, lời có hơn hai mươi vạn, như phép tắc tăng pháp giữ gìn cương yếu thì thiên thượng quyển thượng, thủ lãnh vẫn còn. Nếu thọ giới chủng tướng trừ phạm nghi sám thì thiên trung quyển trung.

Nếu là áo, thuốc, thọ tịnh, các hạnh vụ cơ thì thiên hạ quyển hạ hiển bày. Cho nên liên lược, dẫn cả thô biết đại khái. Nay nương quyển hạ, trong phép y riêng giải sáu vật, lược chia ra mười môn:

1- Môn chế nhập tăng ý: tài nhân tăng lợi Phật pháp chưa thấm, há vua kia chính thân liền vội vàng thấu nhận.

2- Môn chia pháp khác nhau: y cứ duyên ngộ sự mười lời khác nhau, chỉ thứ mười là đồng trụ chết, bèn gia thêm pháp.

3- Môn đồng sống chung tài vật: tài sinh không cạn, phần nhiều hoại tình xấu, còn mất một thời kỳ mới xứng dứt này.

4- Môn dạn dò thành không: quyết định xả thí lại phải giao người. Nếu nghi lo chưa phân thì một tăng quyết nhiếp.

5- Môn thiếu nợ lại chống cự: nợ dứt đưa y cứ tùy gốc nặng nhẹ, quyết chẳng phải nghĩa minh chứng cần xem xét kỹ.

6- Môn đoán chia nặng nhẹ: vật nặng nhẹ tướng sâu rất khó phân, hễ có trái nghịch thì chiêu vờ hai lỗi.

7- Môn thời chỗ chia vật: đưa người chết trở về mới được y cứ lượng, phải có duyên đến, khác chỗ lựa chọn.

8- Môn xét đức thưởng công khó nhọc: công khó nhọc không thưởng, dứt sự lo tranh, không có đức may mắn, nghĩa phải xem xét.

9- Môn chánh chia nặng nhẹ: người và vật cả hai đều nhóm, pháp Phật cần tôn nặng, y theo giáo pháp mà chia không nên mua bán đổi chác.

10- Môn sở thuộc vật: phải được theo chẳng, hoàn toàn vì tăng, dẫu ngoài khen lý, xa cần hậu hạ.

Mười món này dứt tướng thọ lại khai, mà đầu mối trong môn thứ mười chẳng phải một. Trong luật thông nếu các vật, lệ đều vào tăng, sau hợp riêng năm ba, để chia tướng nhẹ. Đây là vật loại cũng có hai đoạn, nặng nhẹ tùy nghĩa rất dễ biết, tương truyền tùy nghĩa y cứ pháp cũng là một đường phò giúp, mà đến văn luật rồi lại xét gá vào một

bên, vẫn xem thêm ở sau. Trước vẫn còn ô m lo lắng chìm ở chỗ mới học, nghi ngại là khó trọn chưa đồng thời, cho nên lại cất gọt quyết thông hiểu, duyên cứ như sau đã rõ, thì mê ngộ đều khai, trước sau hai chiếu. Cho nên trước nương bốn luật như Phật xét đoán, y theo bị chấp loại đưa ra chỗ thấy, tùy việc y cứ lượng đủ làm gương soi.

Chỗ xử lường mặc tình cất xẻ vô hình, trước đánh khánh nhóm Tăng, kế gồm thâu hiện vật, đã ngoài món đồ nặng lớn nêu bày cụ điều, đối chúng đợi đọc cho biết hiển dạy. Trước hỏi chung về tài lợi cùng sống, tuy tin phán đoán, kế hỏi dặn trao có không, cũng tùy cơ sắp xếp. Sau hỏi thiếu nợ là ai, lại tùy xét giao. Làm ba cách trên rồi mới định hiện tài, còn bao nhiêu như Bốn Sao. Bốn luật nói: bấy giờ nước Xá-vệ có Tỳ-kheo mọi người đều quen biết qua đời, có nhiều tăng-già-lam, nhiều phòng ốc, nhiều đồ vật, nhiều các vật nặng, có nhiều giường dây, giường nằm, giường cây, mền nằm, nệm ngồi, chứa để rất nhiều, có nhiều người giữa tăng-già-lam, có nhiều xe kiệu, có nhiều đồ tắm gội, gậy, quạt, có nhiều đồ bằng thiếc, bằng gốm, bằng da, bằng tre trúc và dao cạo, có nhiều y, bát, toạ cụ, ống đựng kim v.v...các Tỳ-kheo không biết làm sao, bèn bạch Phật, Phật dạy: “có nhiều người quen biết hay không có người quen biết, tất cả đều thuộc về Tăng”. (Văn luật như thế, y theo tướng y cứ đoán mười ba thứ khác nhau. Nay nương theo điều trên, tùy điều giải đủ, đều như ở sau nêu).

- *Thứ nhất, có nhiều tăng-già-lam*: luật xếp vào vật nặng, y theo sau chủng loại cùng phán như trên (cho đến vật thuộc già-lam, như sau gồm xếp vào vật nặng), nghĩa là có chùa nhỏ, nhà, quán riêng ...).

- *Thứ hai, có nhiều cây, trái, vườn, ruộng thuộc tăng-già-lam*: luật xếp vào vật nặng, y cứ sau chủng loại lệ đều theo đó, nghĩa là trong ngoài chùa viện có vườn ruộng, cây trái, rau cải, lúa gạo, các đồ dùng nuôi sống, loại ấy có bảy:

1/ Rau cải trồng trong vườn (loại ấy có bốn): Ban đầu khiến chiêu vời hai lỗi.

2/ Môn thời chỗ chia vật: đưa người chết trở về mới được y cứ lượng, phải có duyên đến, khác chỗ lựa chọn.

3/ Môn xét đức thưởng công khó nhọc: Công lớn khó nhọc không thưởng, sự dứt lo tranh, không có đức may mắn, nghĩa phải xem xét.

4/ Môn chánh chia nặng nhẹ: người và vật cả hai đều nhóm, pháp Phật phải tôn nặng, y theo giáo pháp mà chia không nên mua bán đổi chác.

5/ Môn sở thuộc của vật: Có được theo hay chẳng, hoàn toàn vì

tăng, dù ngoài khen lý, xa cần hầu hạ.

Thứ hai là trồng giống cây ngũ quả (lệ ấy có ba)

1. Hiện cây ngũ quả: đó là trái cốc (tức hồ đào, cây dẻ) phu quả (tức lê, nài lâm, cầm mộc, dưa v.v...) cai quả (tức là đào, me, táo, thị v.v...) giác quả (các đậu núi đầm) cối quả (như thông, bách).

2. Hột quả lia đất: đó là táo khố, lô, lý, mơ, thị, cam, quýt, ngột, đắng, dẻ, bưởi v.v...(và cỏ bò sinh ra dưa, bầu, các loài dưa)

3. Cây, nhánh, da, hột: đó là các trái cây, cành, lá, tạp tướng.

- *Thứ ba, trồng trên ruộng nông (loại này có bốn)*

1. Đồ ruộng nước đất: đó là cày, lưỡi cày, nông cụ, bừa, gieo, đào, cào cái rìu, phát, chày, sảy.

2. Hiện gieo ngũ cốc: đó là phòng cốc (tức là hạt dẻ, cao lương)

3. Ngũ cốc lia đất: đó là gồm thâu hạt dẻ, rau, mè, các loại đậu, lúa mạch v.v... (như trong tăng-kỳ có mười bảy loại cốc, cũng chung cho tất cả loại).

4. Cỏ, hào v.v..., nghĩa là tất cả gai, đậu, cỏ đậu dây, mè, cỏ lúa, nếp, lúa, đậu v.v...

- *Thứ tư kho lẫm cất chứa (có trái):* Ban đầu chỗ cất chứa nghĩa là kho vựa, hôm, rượng, nhà, đấu, hộc, chảo, bồn v.v... hai là đồ đo lường, nghĩa là đấu, thăng, hòm, hộc, thước, tấc, cân.

- *Thứ năm là các thứ tạo đồ ăn (có ba):* Ban đầu là chuyển sinh thực cụ, nghĩa là các đồ xay, giã, mài, quạt, xe, lưỡi v.v...và nhà che. Hai là đồ nấu chín, nghĩa là đảnh, vạc, chảo, bồn, bình v.v...và bàn, ghế, giá, các đồ làm bánh. Ba là đồ đựng thức ăn, nghĩa là bình sành, bình xứ, mâm, bát, oản, mâm gỗ, hộp bầy đao v.v...

- *Thứ sáu, hiện thành năm món chín:* 1. Chưng chín, 2. Nấu chín; 3. Rang chín; 4. Hầm chín; 5. Sao chín (nghĩa là các món cơm, bánh, các loại đồ cần năm món thành).

- *Thứ bảy, bốn thứ thuộc hiện tại:* là thuốc phải lắc (gạo, bún, tương, miến, rau). Hai là thuốc phi thời (là nước các trái cây). Ba là thuốc bảy ngày (là bơ, mật, dầu, mỡ). Bốn là thuốc trộn đời (muối, me chua, ớt và ngũ thạch tam dẫn v.v...)

Bảy điều kiện ở trước, chánh bốn tùy sinh, theo luật y cứ nghĩa xếp vào cửa thường trụ, và do cất chứa, tính dày chẻ bai, trong ngoài nhiễm trần dẫu vết lỗi lầm không gì hơn ở này. Cho nên luận Tỳ-ni Mẫu chép: Có chùa nhỏ, vườn, trái, phòng, nhà, bình, chậu v.v... riêng thuộc đồ nuôi sống, này hiện tiền tăng không được chia mà thuộc về bốn phương tăng, còn đồ làm các món ăn kia rất nhiều, chỉ được thông

thâu mà hạn cuộc, tướng lớn nhỏ của nó như Thập Tụng đã nêu, các luật khác không xếp chung. Nếu nói về đồ bằng cây, như luật Tăng-kỳ nói rằng: “Bát cây, chậu cây, sọt che, giỏ che, đều là vật nặng”. Lại y cứ các bộ khác, liền nương lượng nặng, như trong luật Thập tụng tất cả đồ hai đầu trở lên là vật nặng dự như việc có gánh vác. Các văn như sau có nói rõ. Chiếu hiện ăn nuốt, như luận Ma-đắc-lặc-già nói: Nếu trong tăng thỉnh ăn rồi qua đời, đồng phân y (y cứ vào vật nặng). Nếu sau khi chết được đồ ăn thì trả về chỗ cũ, nhận người thì y cũng vậy. Còn ba thứ thuốc khác quyết có chứa dư, như ở sau có chia. Luận có chia ra toàn giường, bộ riêng có khai, này chẳng phải cô giáo như ở sau có giải thích rộng.

Thứ ba có nhiều phòng riêng: luật xếp vào thường trụ tăng, hoặc có cây, đã làm nhà, như ở sau có sắp xếp.

Từ trước cho là thôn xóm, rừng, đồng trống trong ngoài già-lam, nếu có tự mình xin người khác làm các phòng lớn nhỏ, thuộc riêng của mình, Phật khai cho thọ dụng. Nếu chủ cây chết thì nhập vào của thường trụ, mà phép chùa nương thời, tùy giáo chùa phòng, mặc tình giữ lại cũng được. Hoặc cây gỗ tước khô, ngói đất, đá cỏ, các đồ phòng và dự định vật làm phòng (lụa, vải, tiền), đều tùy hiện vật nặng nhẹ phân xử. Do khi còn sống, vật có chủ, có thể tùy lời hạn cuộc, nếu đến lúc chết lại có chủ khác thì không được như xưa.

Thứ tư, nhiều vật phòng riêng, luật xếp vào vật nặng, chủng loại y cứ như sau mà riêng. Nghĩa là màn che cửa sổ, màn, trúc, hình phòng lâu, vách, răng rồng, màn nhà, màn che giường, ghế, giường nương trần vách v.v...các loại

Trước y cứ phán nghĩa đều là vật nặng, đều gọi là vốn định phát thảo, không cho giữa chủng sửa đổi, cho nên xếp vào của thường trụ. Nếu là vách đất sụp nứt, mở cửa sổ che sương, tạm dùng vải lụa, tướng che, sau cầm tùy chỗ che mà trừ, không xếp vào loại này.

Thứ năm, có nhiều bình đồng, chậu đồng, búa rìu, đèn đài v.v... văn luật đều là vật nặng, nhưng bình chậu lớn nhỏ cỡ nào chưa rõ (như trước hai bài phán).

Các vật trước là do đồng, thiếc, gỗ, ngói v.v... làm ra, y theo luật Thập Tụng thì tất cả đồ đồng không nên chia, trừ bình bồn hai đầu trở xuống thì nên chia, cho đến thiên trấn v.v... nên chia, còn bao nhiêu không chia. Luật này xếp bình bồn vào vật nặng, không nêu ra lượng đầu, đến nay truyền học đều xếp vào vật nặng. Tôi cho là phần chừng của bình bồn cốt sắt chứa. Tăng thì mặc tình cất bỏ, nếu thông từ nhẹ nhiếp, sự

thì gồm nên theo Thập Tụng mà rõ, thì kia nầy đều trước lượng kia đều dùng bốn chế của Cơ Chu, do thông giữa hay bên đồng dùng, trăm vua không sửa cách thức kia. Cho nên Táp Linh đời Đại Đường nói: “Thước là dùng hai tất làm thước đấu, cân hai sắc ba v.v...thành đó”, cho đến luật luận cả hai rõ khí lượng lớn nhỏ, đều chỉ ba đấu của nhà Tần làm định, cho nên biết pháp xưa khó đổi, do cách thức thường.

Xưa Đông Tấn sao nương nầy trời khéo rõ năm, rộng chia tuần tháng, cùng Pháp Sư Tuệ Nghiêm chung bàn thiên trung, luật lịch chia bóng chỗ kể. Pháp sư Nghiêm nói: “Trung tâm châu Diêm ở Trung quốc bốn bên cách biển đều hơn muôn dặm, kia ngày hạ chí ở ngày không có bóng, phương nầy men theo góc biển đâu đồng có ngày mà nói. Cho nên giữa huyện Xích ở Lạc Dương, đến kỳ còn có bóng dư, cho nên Hà Đồ nói: “Mé Đông nam núi Côn Lôn khoảng năm ngàn dặm cũng gọi là Thần-châu, lại gọi là Xích Châu, đã nói là Đông Nam, thì rõ ràng chẳng phải chặng giữa. Lại thước tắc chia thứ kia nầy dùng chung, bóng mặt trời lậu khắc mây may không sai, đến như tuần thứ độ lượng chung cho cõi và hạn.

Nếu tùy phương thước chia thì tượng đem giao loạn, v.v... nương trời không cho chống cự, cho nên xét các ghi chép các sự thật để phát họa hạn nầy. Lại như luận Tát-bà-đà nói: “Phật cao sáu trượng, người thường ba trượng”. Cõi nầy chép rằng: Thân tám thước, cho nên giới Phật, rộng sáu ngón tay Phật”. luật Ngũ Phần nói rằng: “Một ngón tay Như Lai thì cõi nầy là hai thước, cho nên lấy ở đầu làm tiêu y theo, theo đó thì dài một trượng hai thước. Áo người ngày nay dài sáu thước. Thước đời Đường thì năm thước, nếu ở nầy chấp nhận biểu ngón tay có thể bằng. Xưa Tùy Dượng Đế xét kinh chế lập đấu cân, một là y cứ thời Châu, tôi đích thân từng thấy đốt cháy hộp thể, cho nên xưa tục truyền thuật, sáu thước là trước, ruộng chỗ khởi, Khuê Sao ở ban đầu, độ đó đầu tiên thì tơ là đầu, chia ngang ở trước, dẫn kéo đầu tiên, đều có y cứ rõ không nên buông lung.

Thứ sáu, nhiều các vật nặng, luật xếp vào vật nặng (ý dùng tên cuộc hạn việc xong, kia lệ nhiều món, trên dưới các môn tùy tượng dễ thấy. Trong nầy lộn xộn khó rõ, tùy việc quan nặng lại có nhẹ thâu, cho nên dùng các môn nói rộng, loại ấy có tâm), ý nghĩa có thêm đồ thể tục.

Ban đầu, các đồ làm thành ý (có năm), đó là y, vải giường, y quang và đất son, thư hoàng, y, giống độ dây thừng v.v.... thứ hai, là các đồ cắt vải, đó là ván cắt, dao, kéo, đá mài, và đập vải, chày v.v....Thứ

ba, là đồ làm thành vải, đó là lụa, lưới, gấm, tơ dệt, lụa đẹp, dây vải, dây đai v.v...thuộc về xe cộ. Thứ tư, các đồ xe đánh: đó là xe sợi, đánh sọt, túi kính, giá mắc áo, sợi dọc, guồng quay tơ v.v... điều độ. Thứ năm là đồ trực tơ, đó là xe quay tơ, túi nhẹ, và nuôi tằm quách mống v.v...

Năm điều trên này tuy chỗ làm là nhẹ mà sự tướng phiền nặng khó gánh vác nổi, lại đạo chia duyên sơ chẳng phải thân thích, đều thuộc về vật nặng. Trong điều thứ hai chứng có tướng nhẹ, như dao, kéo Phật cho chứa, gồm cả lớn nhỏ có thể y theo kinh mà xếp. Dao bốn tấc, bất luận là thiếc, cây, sừng hay xương, xếp vào vật nhẹ. Nếu y theo lượng, các dao ở trên hoặc dùng vàng báu trang sức, tuy lượng là dao một tấc, từ báu nên xếp vào vật nặng. Thẻ lượng đá mài luật không có văn, nếu dùng dao động bằng tướng theo người thì xếp vào vật nhẹ.

1. Đồ chơi đùa, nghĩa là ghế cong, gối hẹp, bàn dựa như ý ngữ, các đồ bằng lông lau chùi phủi quét.

2. Trước một điều vật gồm thẳng giáng, sự thật xem xét, xếp thẳng phải đồ nhẹ đạo, nên xếp vào vật nặng, tuy đồ hộp rương đựng y đều chung.

3. Cần để trị bệnh (lệ có ba): Đầu tiên gọi là y thuật châm đốt, dao, giác các đồ trị bệnh. Thứ hai là các loại cây cỏ, sách thuốc Minh Đường Lưu Chú coi mạch. Thứ ba là nêu tên bốn thứ thuốc trị bệnh, và xếp thứ thuốc khác như trên vào vật nặng, trong thuốc trọn đời như ở sau chánh đoán.

Ba điều ở trên giúp thân là chánh yếu, chẳng phải thường có, là bệnh liền cần có. Thứ nhất dao sắt cứu trị, văn luật xếp chung như luật Thập Tụng xếp mũi v.v...vào vật nhẹ, còn có ống thuốc, hòm thuốc các đồ theo mà chia nhau. Thứ hai là các phương thuốc cây cỏ đã là tập tục, nên xếp vào vật nặng. Trong thuốc trọn đời chưa giả thì xếp vào vật nặng nếu đã giả hòa hợp thành thang, thành hoàn, thành cao, chưng khác tướng thuốc cây, đều uống trị các phần khác. Này thật chẳng phải chỗ may mắn nên y cứ Tăng-kỳ xếp vào phần nhẹ.

4. Trong ngoài rương kinh (lệ có năm): Ban đầu trong pháp kinh bộ, nghĩa là hễ có truyền thuật là để trừ tâm bệnh. Tâm tuy hai thông y cứ tướng, y cứ duyên chỉ ở trong, cho nên chỉ cứu gọi là nội pháp, nghĩa là hễ có thuật sự ban đầu thì không khiến cho tâm nhọc. Trong ban đầu, cõi kinh bộ, nghĩa là trong cõi Đa-la Diệp kinh, xứ này (Trung quốc) dịch là Thỉ Tổ, có sáu món khác nhau: 1. Đan phiên; 2. Trùng phiên; 3. Thất dịch; 4. Tạp lục; 5. Nghi kinh; 6. Ngụy dẫn. Thứ hai xứ này tập lục nghĩa là Phật pháp đông lưu đến nay, đạo tục các giới đều tuyên

dương giáo hóa chung, hoặc soạn luận lục, hoặc truyền tán, đều chẳng phải ý chỉ đều xếp vào kinh, Trí luận giải thích như vậy. Như Ý Thọ, Tân Tương Tăng Hựu, Pháp Uyển, Văn Tuyên, Vương Tịnh Trụ Tử, Lương Giản, Văn Pháp, Bảo Liên Đài v.v... Thứ ba, hai phương tạp kỹ (nghĩa là hai phương đạo tục thông kinh giải luận, đều thật ý suốt giải thích kinh nghĩa tất cả Số Sao v.v... hoặc truyền thuật dấu vết các vị cao tăng thạc đức, ghi chép trụ trì có không, thời suy hạnh thịnh). Thứ tư đồ biên chép kinh (là giấy, bút, mực, nghiên, bàn, ghế, gối, thì trị chỉ giới, đồ đóng sách, trụ v.v...) . Thứ năm là đồ đựng kinh (là nhà, rương, hòm, hộp, giá, lầu, khăn, túi).

Năm điều trên cái gọi là rương kinh, chính là bến đường vào đạo, nêu cốt yếu cùng tốt sự việc. Nếu không có thói quen xem chung trước sau, thống lãnh then chốt kia, ngộ thú nhập kia, thì ghe, xe tranh chở chưa lên, chẳng hề bằng khí. Giêng mỗi đạo giáo tuy giả sử không hiểu, nhưng luống mất thời gian cho nên thường phải đọc, tìm xem nghĩa lý kia, đáng thường các tâm đầu không theo kỳ hạn. Cho nên luận Tỳ-ni Mẫu nói: “Kinh luật trước có chỗ phó chúc liền giao cho người kia. Nếu không có người phó chúc, thì y theo người coi giữ”. Tức nương theo giáo tiến tu, chẳng gọi là thủ hộ mà thông. Cho nên Luận nói: “Phật pháp quý ở việc đúng như lời nói tu hành, không quý đọc nhiều tụng nhiều”. Người đời nay phần nhiều tham cất chứa, không có tâm dâng hiến thì không đáng gửi gắm, phải trao cho người có đức. Nếu chết có bút, mực, giấy v.v...và đồ đựng kinh vốn không người chuyên dùng, nương theo chỗ cũ dùng theo chỗ nương rương kinh, quyết đều dâng cúng, chẳng nhất định thuộc, tùy việc nặng nhẹ, nặng nhẹ xếp vào hai tầng, hoặc chứa nhiều giấy mực, nhưng dự định trị sống vốn chẳng phải chép kinh, dùng nên theo vật xếp vào nặng.

Thứ hai, ngoại tục ghi chép (kể có ghi truyền đều còn ngoài trên thì thuận trời vâng đất, giúp nước, giáo hóa dân, giữa thì hiếu thảo với cha mẹ, lập thân hành đạo, dưới thì nêu bày sáu phủ năm hạnh nương tựa, y cứ sự để cầu chẳng phải nuôi sống, nên gọi là sách ngoài. Ban đầu là sách sử cứu lưu (cứu lưu: 1. Đạo; 2. Nho; 3. Danh; 4. Pháp; 5. Mực; 6. Buông thả; 7. Âm dương; 8. Mủ chảy; 9. Tạp lưu), tức là vĩ hầu chư tử, bảo truyền văn kỹ tạp thuyết v.v...

Hai nghĩa là sách ba chữ xưa (là văn Thượng Tổ) đều là chữ chân chữ thảo các dấu vết. Ba là đồ đựng sách (tức là trong kinh đã nêu: Giấy bút nghiên mực)

Ba điều ở trước đều xếp vào vật nặng, tuy không tạm học vì ngăn

tục mỹ, nhưng chẳng hề đùa lâu, cho nên xả cho tăng. Giấy, mực có dư bèn gồm việc đạo, mà bốn ý giúp tục không giống điều trước đều từ nặng mà nêu, kinh luật chánh chế là để trang nghiêm văn tụng, vui với thế pháp.

Thứ ba là các đồ tính đếm (lệ có hai): 1. Đồ hiện có số (nghĩa là bàn tính, phương thuật so lường tính đếm, thẻ tre v.v...); 2. Cách đếm tạp châu (là thủy tinh, lưu ly, nhiều màu làm hạt châu).

Hai điều trước là lúc cần tính đếm. Tuy thế là vật nặng mà kham tùy việc đạo. Trong luật vẫn không giải thích sự đếm, tụng giới có sự quên lầm khai chứa tính toán v.v..., còn như cây gỗ, châu xỏ nhiều màu, báu quả làm thành. Y cứ theo Tăng-kỳ tất cả sự duyên tìm ở cơ chánh yếu, chớ quá số đếm, chìm tiếp hạ căn, dẫn khóa tu nghiệp, có thể y cứ Đa luận. Giống như cửa báu, báu giả, châu nhiều màu, khai hành trăm lẻ một vật được dùng đúng như pháp, nên xếp vào vật nhẹ, còn bao nhiêu tre, gỗ v.v...y theo này mà chia.

5. Các tạp nhạc cụ (lệ có bốn): Bàn đầu là nhạc tám âm (1. Nhạc kim: là chuông, linh v.v...2. Nhạc đá: là khánh v.v...; 3. Nhạc tơ: là cầm bầu, là không, hầu v.v...; 4. Nhạc trúc là sáo, địch; 5. Nhạc bầu không, là trống; 6. Nhạc đất, tức vận v.v...7. Nhạc cách, là trống v.v... 8. Nhạc cây, tức âm chúc ở trên). Hai là đồ chơi (nghĩa là quý, xí diện v.v... bày hình sư tử, ngựa trắng, lo lắng, truyền thuật các hình ảnh biến hiện. Ba là đồ trang sức (là hoa, mũ, dây tơ, quần, bao nhiêu màu, các báu, theo võ, v.v...). bốn là đồ hí kịch (kéo đạo sáu giáp làm thành và cần con súc sắc, mã đồng).

6. Đồ tạp trang sức (lệ có hai): Trước là đồ họa võ (là trang sức thế tục lấy màu đơn thanh, chu lục, nhiều màu, và giây tơ trắng thước, vật chuyên dùng để vẽ). Sau là các đồ chơi đẹp (là bình phong, núi sông, nhân vật du tiên, các sách chép Cổ Hiền truyện kỹ và các sách lạ khác).

Hai điều ở trước cũng đồng với nghi trên, nhưng có thể phù hợp chỗ tình ưa mến, hoàn toàn chẳng phải cương yếu, nên xếp vào thường trụ, đồ trang sức của tăng.

7. Vách báu, các hàng hóa (lệ có bốn): Ban đầu là nặng báu (là vàng, bạc, chân châu, ma ni, san hô, xà cừ, mã não, hỷ báu, và các ngọc bích), hai là nhẹ báu (là thân thạch, đồng, thiếc, chỉ, kẽm, bạch lạp và các châu giả), ba là tiền báu (là tiền vàng, bạc, đồng, thiếc, cho đến da làm tám món, trên có lằn vẽ). Bốn là các vật dư (là các vật cần của lò luyện đúc và các vật nấu chảy).

Bốn điều trước là chánh nặng, nghiêm cấm tiền tài thế tục. Điều đầu tiên và ba, bốn, chẳng cho tự chứa, cho có giúp đạo nói giao cho người tại gia, thân mất xếp vào vật nặng, cho nên của thường trụ. Thứ hai là báu nhẹ, tùy duyên ba đường, nhưng là bốn thể hôn đoạn đồng thau, người đến xem thí không nghĩ hình dụng, thì tùy bốn nặng nói giao cho tịnh chủ. Nếu là trăm lẻ một oản, bát, y, câu theo luật khai thọ dụng, cho nên xếp vào hạn nhẹ, đồng giả nghĩ dụng lệ theo này là có thể chia. Nếu đã thành vật vào trăm lẻ một vật số vào vật nặng nhẹ, này chẳng phải chánh báu.

Cho nên luật Tăng-kỳ nói: “Tiền, vàng, bạc không được chạm, nếu báu nhẹ khác được chạm, thì không được chứa, được làm trăm lẻ vật dụng”. Như luận đã rõ, không cần thuyết tịnh, y theo làm các món đồ lý chẳng phải vật nặng.

Trong luật Tứ Phần chỉ cho rõ ba món tiền, vàng, bạc, còn các món khác không bàn, biết rõ thông hạn nhẹ, thuộc thiếc, lapis, văn tuy không nêu. Luật khiến dùng để đầy bát chẳng phải vật nặng tùy bát vào vật nhẹ không nghĩ ngờ. Nay có người giỏi làm luật giáo, nương luận chia vàng và tiền vàng, giường v.v...các vật. Này chẳng phải là thành giáo, tùy văn mà dùng, cùng mình tham hoặc giống nhau, không chỉ văn giáo sáng mờ. Phật sinh tử không rảnh, nghe tiếng liền dứt, lại đồng đạo nghe nay là nặng sơ chia vàng. Duyên nêu bày văn này trong luận Ma-đắc-lặc-già, này là bốn luật của bộ Ca-diếp-di, không đến ở này chẳng phải sở cơ kia.

Nói chia vàng, giường, ban đầu có Tỳ-kheo từ cõi trời sinh xuống, đồ vật trong người này chẳng phải chỗ an kia, tình loạn không an, thường suy nghĩ các đồ có được ở cõi trời. Phật sai A-nan cấp cho đồ cần thiết, trong một đêm liền chứng quả Vô học. Do duyên này mà khai, chẳng chung bộ nay. Trong luận Phân Biệt Công đức có nói đủ việc này.

Cho nên các kinh Trì Thế Phật Tạng, Phật dạy đệ tử tu đạo, vì nhớ các đồ vật có thiếu sót không thể hiểu đạo, đều quyền khai cho, quyết không tu đạo, người ưa thế pháp, nước không cho uống, đất không cho đi, các đại quý thần ngăn trước quét sau. Này há là người nói mà đại thành (Phật chánh nói, học trò chia vàng đều vọng làm không rõ giáo, thuận bốn tham chứa, lại trái học trò thanh tín, đều có Cao tăng xuất tục chánh ngăn chế không làm, tình còn tiền tài, sự chưa đủ tính. Đại bát Niết-bàn là cực giáo đều trọn, văn một bộ rõ mười tám vật bất tịnh, Phật nói, ma nói, dùng này chia đường. Cho nên văn nói rằng: Nếu có người nói Phật khai cho Tỳ-kheo chứa vàng báu tám vật răn độc bất tịnh, này

là ma nói chẳng phải đệ tử tăng-già-lam. Trái lại là do Phật nói. Cho đến văn nói rằng: Tỳ-kheo Kỳ Hoàn chia vàng, Phật cũng chánh đoán, chia uống nước sông, cho đến trong luật Tứ Phần, Ca-chiên-diên không nhận báu thí của vua, do đây Như lai chế kiên-độ trì giới lớn nhỏ.

Đệ tử tăng-già-lam khác nhau các Sa Môn ngoại đạo nhận chứa vàng báu v.v....lại sau khi Như lai nhập diệt hai trăm năm, Tỳ-kheo Bạt-xà ở nước Tỳ-xá-ly, khéo làm mười việc, ngày thuyết giới khi xướng lời chia vàng, Tỳ-kheo Da Xá nhóm bảy trăm người ở Diêm-phù-đề, lại càng đoán rõ không chấp nhận chia. Phật ở Kỳ-hoàn chỗ lần thứ nhất sau khi Phật nhập diệt đoán rõ không chấp nhận chia. Nay hoặc có ba phạm, chia vàng phạm tội đoạ, chết vào trong lửa hai mươi một ức bốn bốn mươi ngàn năm, này là tội nhỏ. Không tin thì vị lai bị lửa đốt, hiện tại chỉ hoàn lửa ở thân, sẽ tin khổ mà bỏ.

Nay có người phạm bốn giới cấm, kinh luật đều gọi là là Đoạn-đầu, người phạm an nhiên không sợ mà làm vị pháp sư chủ, không tin chín trăm hai mươi một ức sáu ngàn năm đoạ trong ngục Vô gián, hưởng chỉ ở này chia vàng không đáng làm quái lạ. Người học giáo, đều là há ý ở ngày nay tệ phong lại nêu. Vàng là vật quý nặng của thế tục, nghe tên liền mừng nhìn ngó đâu luống, nêu của cải, thế tục còn vậy, huống chi xuất đạo gì ư? Dầu có chia ấy, hằng hà dài chìm người không đáng quái lạ, chỉ quở phiền não người không đáng bàn.

Đến như chế giới của một phen giáo hóa đều dứt tục trước. Chỉ có bốn giới đối tục lại chế; 1. Dâm; 2. Rượu; 3. Báu; 4. Tà mạng. Dâm là gốc sinh tử say mê, bốn nghịch do đó mà có. Báu là duyên khởi tham, các hoặc phiền căn của nhân. Tà mạng là nhân hại tăng-già-lam, đường ác là tường mở. Niết-bàn các luật hiểu rõ nghĩa đó, sao không mở đọc sách Phật mà làm giáo bãi bỏ? Cho nên văn nói rằng: “Mặt trời mặt trăng không được sáng bỏ là do khói, mây, bụi mù che lấp, pháp tăng-già-lam không sạch là do Tỳ-kheo gây ra bốn việc. Nếu có đệ tử tôn là thầy mà làm bốn việc trước thì tăng-già-lam chẳng phải thầy họ, kia chẳng phải đệ tử tăng-già-lam, do không tin pháp luật của tăng-già-lam. Đây cái gọi là Tứ Thiên, Thập Tụng, luật luận, v.v...đều có văn răn nhắc, đâu được nương theo luật này thọ giới mà dùng bộ kia chia vàng, bỏ chế mà lấy khai, chưa biết thông bí của cơ giáo rõ mà cấm, có thể không cần thận ư? Sống thì bụi, mồ hôi mê luống, chết thì tự phải khổ sở, tin nặng dục một thời là hoạn hung muôn kiếp, rất đáng buồn.

8. Các vật tạp nặng (lại có tám, nghĩa là tất cả đá, tất cả thủy tinh, tất cả ngói, tất cả đồ, tất cả răng, tất cả sừng, tất cả đồng, tất cả sắc đất,

nghĩa thêm tục các đồ sắn, đồ ăn.

Ban đầu như kinh Thập tụng nói tất cả vật đá không nên chia, trừ bình nước, bồn nước, vật đầy nước cạo mồ hôi, ống nhỏ mũi, đấu uất, hương, câu bát các vật đá khác không nên chia (như cối bấu, cối tạp chày và dùng chày, đồ hương nếu chưa đủ thì chẳng phải hạnh nhẹ, bao nhiêu lệ thì mà biết). Nghĩa thêm tục vào đồ vật, như mâm bàn muống đưa, đều xếp vào vật nặng, rộng như ở sau nêu ra.

Một đoạn ở trước, vật đá y cứ trên để đoán. Luật có thông bát, Tứ Phần không có văn, nghĩa phải y cứ theo chánh, kia đồ lễ hương cúng dường hoặc hoa hương loại riêng, hoặc thiếc, đá, đồng, thau làm thành. Nếu thường nghĩ cúng dường trước Phật, bất luận trang sức vàng bạc có hay không đều tùy bốn xứ mà dùng. Nếu bốn tâm không nhất định, nghĩ sau chuyển đổi, tự giúp tùy điều kiện trước, xếp vào vật nhẹ, hỏi có vàng bạc trang sức vào vật nặng. Nếu có lòng cúng dường thì Tam bảo gồm chung, tùy người hay thọ dụng mà dùng, vốn chưa đưa ra vật làm việc cúng dường, không cho tự giúp, nên vào cửa Tam bảo. Nếu xếp vào vật nhẹ chia liền thành nghiệp trộm có thể không cần thận hay sao?

Cho nên trong luật Tăng-kỳ, tiền vàng bạc không được cầm, chứa cất. Nếu chân châu, lưu ly, kha bối, san hô, pha-lê, xa cừ, mã não, được chạm, không được cất dùng, biết rõ trăm lẻ một vật, được thọ dùng. Dầu trong luận tùy khả năng cúng dường cho, nghĩa là xếp riêng vào Phật pháp. Phải có túi bấu, hũ như kinh luận cúng dường không xếp vào vật nặng, kia các lò hương, đồ cúng không nhất định thuộc, tức như luật chánh đoán chia ra, kia có lửa, muống khăn, túi, bàn, hộp các món đồ vật, đều tùy theo tất cả lò hương nặng nhẹ. Quyết khăn gồm thêu dệt, tùy vào vật nhẹ, do sự ở nuôi dưỡng chẳng phải lượng chỗ khai, hoặc thường không theo hạnh, hoặc vàng bấu trang sức, riêng trích vật nặng (không tùy là hương nhẹ).

Thứ hai, tất cả vật thủy tinh không nên chia, trừ chảo, bình, huân bát câu, lò hương, đấu lửa còn bao nhiêu như trên đã nói.

Thứ ba, tất cả vật ngói không nên chia, trừ chảo, bình hai đầu trở xuống nên chia, nắp bồn nước, bát lớn, bát nhỏ, bát nửa, chốt cửa, dao cạo mồ hôi, thuốc nhỏ mũi, bàn ủi v.v... không nên chia.

Trong các vật ngói ở trước văn luật đoán tự hai món riêng. Phật khai cho chứa hai chảo, hai bình bốn nắp, bốn muống, y theo đấu lượng là định nặng nhẹ, đồ tắm giặt hoặc làm bằng đồng, bằng thau, bện bằng vải, cây, da, vỏ bầu, đã thường rửa bát đồ cốt yếu, y theo lượng của vật

nhẹ, nếu nặng lớn khó giữ và vật nhỏ thì tùy theo vật nhẹ, tuy khai chảo bình chỉ là cung cấp việc thiết yếu, hoặc gồm các đồ tục, chưa nhất định đối với vật nhẹ.

Thứ tư, tất cả đồ vật không nên trừ dao cạo mồ hôi, thuốc nhỏ mũi, bàn ủi, lò hương, thiền trấn, xông, bát câu, thuốc nhỏ mắt, hòm, bẫy nét, cành, nên chia, còn bao nhiêu không chia.

Thứ năm, tất cả đồ bằng ngà cũng như vậy. Xỉ là các đồ vật bằng ngà.

Thứ sáu, tất cả đồ đồng hai đầu trở xuống nên chia. Như trên, kèm, nhiếp cắt móng, dao cắt vải, dao cửa hiệu, khúc cửa câu v.v...cũng vậy.

Đồ đồng ở trước chung rõ đấu lượng, còn bao nhiêu tuy không nêu ra, y theo đây mà khai, tức thau, thiếc, chì, sắt, bạch lạp v.v. Lại ngay luật khai chia dao cạo, do này là đồ dùng thiết yếu, thì tùy có đá mài, túi, hộp theo nhau vào vật nhẹ, có bao nhiêu dao con, dùi, kìm v.v... vẫn tuy không nêu mà luật Thập Tụng lại nói: Chánh xếp vào vật nhẹ như trong kinh Lăng-già, khai cho chứa dao bốn tấc, đầu dao như hình mặt trăng vì cắt may Ca Sa. Trong Tỳ-ni Mẫu cũng khai cho con dao sáu trượng, đều có chỗ làm, này thì có thể y cứ nêu, bất luận đầu dao vuông, nhọn, lớn, nhỏ, số bao nhiêu, đoán chung vào vật nhẹ, quá lượng là xếp vào vật nặng. Đã ngoài phi pháp, tuy vật nhỏ mà xếp vào vật nặng (nghĩa là bề giáp, cạo da, bỏ lông v.v...các loại dao).

Thứ bảy, tất cả vật bằng sừng không nên chia, trừ nửa đầu trở xuống thì nên chia, trừ cán y, câu tường, trên dao cạo mồ hôi, thuốc nhỏ mũi, ống đựng kim, hòm thuốc, muỗng, bát, cành, tất cả vật như vậy được chia, còn bao nhiêu không nên chia.

Thứ tám, tất cả đất đỏ không nên chia. Tất cả nhuộm sắc, hoặc nấu hay chưa nấu đều không nên chia, từng ấy có tất cả nhiễm sắc, cả tía, chồi vàng, chi tử, càn đà v.v...

Tám món các việc như trước khác nhau, luật Thập tụng y cứ thế mà xét, cho nên có chia không chia khác nhau. Nay vật chứa để đồng khác rất nhiều không cần như luật, có thể so đáng về lớn nhỏ của nó, lượng độ hai nghi nặng nhẹ (như bát sành xếp vào vật nhẹ, bát vàng xếp vào vật nặng, bát huân câu xếp vào vật nhẹ, bát huân xếp vào vật nặng, những loại này tùy việc sâu mà suy nghĩ) nghĩa là vật tục đồ sơn, trong thế tục có mâm, oản, nắp hộp, cầm bát, đồ để ăn như muỗng, ăn kiêng, bất luận lớn nhỏ nhiều ít, đều xếp vào vật nặng, do toàn là thế tục có khi chẳng phải là kẻ đạo dùng, sự đồng áo tục, cực chế không cho chứa.

Y bát người xuất gia khác với thế tục, nếu nay cho chia, tâm tục không trừ cho thì khiến xếp vào vật nặng, dứt hẳn dòng đời.

Thứ bảy, là có nhiều giường dây, giường cây, nệm nằm nệm ngồi. luật xếp vào vật nhẹ, các loại khác như riêng. Nghĩa là giường chông, bàn ghế, giường hẹp, đồ che lợp, nệm sàng, gối, mền v.v... tùy dùng trúc, cây, lụa, tạp vật làm thành.

Trước y cứ vào vật nặng. Nói hai mền, tùy kia lớn nhỏ nhiều ít, đều cho là trong nỉ dạ làm cốt, lụa bao ở ngoài, đều dùng vải trải, nếu chỉ một lần dạ vải là xếp vào vật nhẹ, cho đến nệm ngồi, ghế và các vật bằng dạ tương thuộc về vật nặng.

Thứ tám, có nhiều y-lê-diên-đà-kỳ-la-kỳ-la. Đây là ba điều ở trước đều là văn luật chung đoán đối với vật nặng khác. Phật pháp Đông Độ cho đến nay giảng giải lớn nhỏ trưởng bước đi chướng? Ban đầu thì y-lê-diên-đà có thể chẳng chướng, kể thì kỳ-kỳ-các-la há chẳng là trưởng lớn nhỏ. Trưởng giống như màn, cho nên nói là kỳ-la, dùng ngay từng chưa thảo luận nguồn gốc chữ kia, tùy tiếng liền dịch, tức âm định thể vật kia, nầy thì mạnh ở thâu loại, cong nơi sự thật. Vả lại y-lê-diệu-đà gọi là lộc, trong kinh chỗ cái gọi là tướng đi của Như lai như bước đi nai đầu đàn y-lê-diên-đà. Nầy thì chứa nhiều da nai sống (chưa thuộc). Kỳ-la-kỳ-kỳ-la đều là tên thú, hình dáng như con hổ thuộc loại báo mạch, da dày lông mịn, có thể ngồi được. Tôi có đem việc nầy hỏi các vị tăng Ấn-độ, da hai thú nầy ở các nước mé Tây có, Trần Châu không có vật này tùy tâm bốn độ kia há có thể tức âm định thể lại nói vật che chướng. Người xưa có nói “mê tên sinh pháp si” thật đáng dè dặt.

Xưa có người mở kinh Lăng-già xem, người ngoài hỏi: “Các kinh hoặc dùng nhân pháp đặt tên. Vì sao kinh nầy dùng khổ cụ đặt tên?”. Toàn cao mờ mịt biết đâu giải cứu bèn hỏi ngược lại rằng: “Lăng-già há chẳng phải là gông lớn tám gỗ ư? Đại chúng đạo tục cùng lúc cười òa, cái gọi là hổ thẹn với một người bẻ cong trên ngàn muôn người. Da nai-y-lê, xử nầy có mà hơi khác, xử nầy thì da mỏng lông cứng, kia thì da dày lông mềm, nếu da dễ thường có thể dùng để ngồi, có mà không giống cho nên tên là cư. Cả ba đều là vật da cho nên xếp vào vật nặng, da và lông nhẹ hay nặng khác nhau mà thật cù dẫu. Xử này vốn không có, vật kia đều từ Tây Bắc truyền đến, nếu tu tập lông, biên, mà ra đầu lông gồm có bằng tượng người thú v.v...các hình trạng, gọi là Phùng kinh vì lớp lông như lụa, dùng để trải đất che vách.

Luận bốn nói: Thảm trải đất lông dài ba ngón tay, tấm thảm dài năm khuỷu tay rộng ba khuỷu nên chia. Xưa tôi cho là lượng đồng ba

y nên xếp vào vật nhẹ, thuộc dạ đắp dụ phân lượng này, mà khai nhẹ trong văn luật không rõ, theo văn thì lỗi, gần lấy càn phong hai năm, mùa xuân thâm cảm trời người, người thực thiếu tánh bỏ họ. Thời Hạ Trụ sinh ở thời Nam Thiên vương, làm sứ giả, thâm ư tướng luật, thêm nhận lời Phật dặn, rộng hộ làm bốn hoại, nghĩa là từ chỗ soạn Sao Số Nghi Lục lỗi kia càng nhỏ, nhưng ở nặng nhẹ tùy lạm thì có tuy theo luật đoán nhưng vẫn chẳng rõ ràng, này là lỗi phiên dịch, đâu phải của người học, đáng sửa mê trước nên theo ngộ sau. Trung quốc không chỉ bày cho, riêng giúp đất lạnh (nghĩa là Tây Bắc gần biển, mùa đông thì rất lạnh, gió đông cắt trúc áo mặc phải dày, có các Tỳ-kheo ở xứ này mặc ba y không thể hết lạnh. Phật thương xót khai trong giáo bốn, nếu ở các nước lạnh này phần nhiều dùng vải đôi may chồng lại. Nếu không có vải dày, thì được cỏ khô dệt thành y mà mặc. Lại không có cỏ thì được lấy da cây, đập giã cho mềm mà mặc. Lại không có nữa thì được dùng lông dột, như cách cắt thành ba y, lông đắp ở trong. Lại không có nữa thì được dùng các da cũng đồng làm ba y mà mặc. Như vậy thứ lớp lần lượt mà khai cho, nếu đến giữa nước tự có áo đúng pháp, thì đâu được khai? Trong thế tục sửa lại mà mặc, thì không thể có việc này. Luật đâu không nói rằng biên địa khai cho năm việc: các thứ da dê v.v... làm ngoạ cụ cất chứa, ngoạ cụ tức là ba y. Luận Tát-bà-đa không có, y theo ngoạ cụ phương Tây liền thể hội kia, cho nên trong luật ở nước bị lạnh quá, Tỳ-kheo hạ an cư xong qua phương Nam chỗ Phật ra núi Tuyết đất bằng trời nóng, y phục dày nặng mạng gánh khốn khổ. Tôi hỏi “Nặng bao nhiêu” đáp: “Có thể nặng ba thạch”. Xứ ấy mọi người đều cao một trượng trở xuống cho nên hơn, y này Phật khai vì là tu đạo chứ không khai vì đạo, khai cho một tháng hoặc năm tháng được lia y này. Tôi xem trong luật Thập tụng, Tăng-già-lê của Ca-diếp nặng ba trăm cân.

Lụa gấm thêu thùa, (phương Tây có, lần thêu hết dệt y, hoặc vải có ban máy, phủ các màu, bất luận nam nữ dùng làm thành y, lệ y cứ là vật nặng).

Trước nói một điều y theo luật như thắm trái vào vật nặng, thuần thì xếp vào vật nhẹ, tạp thì xếp vào vật nặng. Như trước tướng ba y ở vật nhẹ, khác thì bất luận lớn nhỏ dày mỏng đều là vật nặng. Tứ Phần không cho chứa vải gấm vải thêu (thông nhiều ít rộng hẹp). Ngũ Phần. Lụa thêu, lông, lông câu chấp, quá ba ngón tay đều không thể chia, nếu thuần sắc thì nên chia, (cũng y cứ trên giải thích như tướng lượng ba y, thắm có dày mỏng, dày thì quá lượng ba y là xếp vào vật nặng, mỏng

thì được có tùy đạo xếp vào vật nhẹ, chẵn thì không phải vậy, toàn là vật thế tục chẳng phải là vật để người xuất gia dùng, nếu khai cho thì không khác thế tục. Cho nên các y phục thế tục, người tại gia ngoại đạo đều không cho chứa là rất có ý, vì sợ hoại đạo. Bất luận dày mỏng lớn nhỏ hay y phục người tại gia, ngoại đạo đều xếp vào vật nặng.

Có Tỳ-kheo đáp hai thứ y phục này đến chỗ Phật bạch rằng: “Đây là pháp đầu-đà trang nghiêm, xin Phật cho phép”, Phật nói: “Các thầy là người ngu si, tránh điều Tăng-già-lam cấm, hãy làm việc khác. Từ nay về sau, tất cả y phục của người tại gia, ngoại đạo không được chứa mặc”, nghiêm giáo như vậy nào dám bỏ. Cho nên dứt nghĩa phù, phẩm này có nặng nhẹ mỏng cần điều chỉnh, dày quá ba y như trên xếp vào vật nặng, mềm mỏng rất đáng cất may, bất luận lớn nhỏ, nhiều ít đều là vật nhẹ. Cho nên trong luật Tỳ-kheo già bệnh mặc Tăng già lê bằng da, cho đến ngoạ cụ sáu năm, ngoạ cụ nhiều màu đều ba y bằng da, để tìm sự không giống, kia thì toàn là thế tục hoại, da này chung cho người tu đạo, còn bao nhiêu có mềm đơn, đồ ngồi sơn dã khác với tướng mềm, đồng mạn bố ba y có thể theo hạn nhẹ. Cho nên Ngũ Phần nói y che thân, tức che thân mà đắp ba y. Luật Tứ Phần nói y là che đậy. Đơn phụ y là đồ trải trên giường, rủ bốn mặt đều xếp vào vật nhẹ đầu thế y theo dưới chẳng cho là nặng, che trên chẳng phải là nhẹ, cho nên có thể rõ biết, phần chừng kia.

Thứ chín, nhiều người giữ Tăng-già-lam, luật xếp vào vật nặng, kia nêu đã nhiều, như sau phán nhiều phần lớn là sáu:

1. Thí sức cung cấp.
2. Bộ khúc khách nữ.

Hai điều trước tuy tốt xấu mà chia, có phiền và không phiền khác nhau. Điều trước thí sức có hai hạng người. Nếu có thể cung cấp trọn đời thì tùy tăng xử phạt. Nếu chỗ cấp trọn đời thì trước tăng đã trọn, sau tình tự sửa, mặc ý xả bỏ. Nếu người khác sai đến cung cấp thì trả về chủ cũ. Nếu vốn là tự mình có tính vui vẻ che mát, nường bốn vào tăng. Nếu tạm đến chẳng phải lâu, lúc nào đem đi cũng được.

Thứ hai bộ khúc, nghĩa là vốn đồ xấu (nên) cho tánh họ, mà chưa lìa chủ cũ, chủ cũ chết, thì nhập vào thường trụ. Áo, đồ vật, súc vật, tùy chỗ thân thuộc, không nên tranh đoạt. Nếu vốn nghĩ trọn đời cung cấp tay sẽ chia rẽ, theo luận Tỳ-ni-mẫu thì xả bỏ.

3- Nô tỳ tôi tớ có con dứt nuôi xếp vào thường trụ. Nếu thân chết không có bà con thì thường trụ thấu nhận.

Một điều trước xếp như Mẫu-luận nói: Nếu có nô tỳ riêng nên

thả cho đi (như trong điều trước), nếu không thả, làm tịnh nhân như luật Tăng-kỳ.

4- Chứa các gia súc, tức lạc đà, ngựa, lừa, trâu, dê v.v... và yên ngựa, dây cương, dầm ngựa, lan can, chuồng, máng ngựa v.v...

5- Chứa các súc đồng trống, tức vượn, nai, gấu, heo, khỉ, thỏ, gà rừng, vịt, ngỗng, chim ưng... và dùng lồng, giá v.v...

6- Chứa các luận nghi, tức mèo, chó, cú vọ, ưng, điều hâu, chuột, chuột độc, nỏ, cung, củi v.v... và cung, tên cỏ lười đồ giết hại của ngũ binh, v.v...

Sáu điều trước, ba thứ trước tùy sự đã rõ. Trong thứ tư chứa gia súc, là đầu mối của phiền lự, nên xếp vào nặng. Cho nên Mẫu-luận nói lạc đà, ngựa, lừa.. có thể cho tăng thường trụ trong chùa để vận chuyển, ngoài ra các đồ chở tùy chỗ được chứa, như có roi gậy đều nên đốt, do sống bị chê trách. Thứ năm, súc vật hoang càng là chướng đạo, cho nên trong luật Tăng-kỳ nói “Nếu đem đến cho thì không nhận, sai cung cấp nước, đủ thì thả đi, vì chứa là ngăn đạo. Trong đời phần nhiều thả gà, heo, ngỗng, vịt, cũng tự trần nhiễm sự trong sạch, có nuôi chim anh vũ, ngỗng, bồ câu, đạo tục đáng xấu hổ, hẳn có chim thú này, thì hãy thả nó vào rừng, sông ao, lồng, giá đồ ràng buộc đều nhóm lại là đốt. Thứ sáu, đồ ác lậu nghi, sự loại vẫn mong, thời đến duyên bên cỏ trong đầu, nêu không biết, hoặc thêm chứa dùng, đã sự ở tội Tăng, đều có thể đốt thì đồng nhà ngói phi pháp. Cho nên luật Thiện Kiến nói: “Nếu có bố thí gậy, thì tăng nên bẻ gãy, không được bán, nếu bán cho người thì họ sẽ làm việc giết hại. Người bán đồng nghiệp kia. Trong luận ấy có chứa vật phi pháp, chúng chủ phá không có lỗi tổn tiến tài. Chánh luận đoán rõ y cứ dùng đâu nghi? Cũng có nuôi mèo chó chuyên làm việc giết hại, Kinh luận đoán ở ác nghi, đồng chứa liền mất giới lành, đưa ra bán thì là loại sống, nghiệp chướng lại sâu, thí cho người trở lại tiếp tục tâm hại, trở thành ràng buộc, nên thả nó vào chỗ sâu mặc tính nó trốn đi, hẳn phiền nó hiển trụ lại thêm phiền nhọc, nhưng nương trước kia càng rõ, lại dứt kẻ thù sinh sát, cây mới nhà Thánh từ bi (bao nhiêu chim nên thả lên hư không).

Thứ mười có nhiều xe kiệu, luật xếp vào vật nặng, y cứ nêu đoán sau (lệ có ba).

1- Thường chuyên chở (nghĩa là các thứ xe kiệu trên bờ dưới nước như ghe thuyền, xe trâu, xe dê, đi bộ, kéo xe v.v... và cung cấp giày thừng cho ghe, xe v.v...

2- Đưa cho hung khí (nghĩa là tạp súc xe kiệu cùng đồ xe cần

nhân, minh khí, quan, dựng đàn hương, áo, vải tạp phục, giá cò, hòn đá, thông, bá, các cây, bia đá trở ngại... các vật.

3- Đồ cúng tế (nghĩa là đồ cùng tế tử tổ, tấm gọi, quỳ gối, oản, muống, mâm, hợp, bàn, ghế...).

Ba đều trước điều là vật nặng, hai thứ sau là đồ hung tế, nếu dự làm cho người sau, khi chết thì nhập vào cửa thường trụ. Nếu vì bà con thân nhân bầy chúng đọa tục, thật táng vì tương lai mà làm, do quyết nguồn gốc, xả riêng thuộc.

Thứ mười một: bình nước, bình tắm, gậy, quạt, luật đều xếp vào vật nặng, nay do vẫn giữa sáng nhau xen làm nặng nhẹ.

Trước một đoạn, nếu y cứ bốn luật nêu chung nặng thân, là vì sao? Vì thể tướng đều nặng theo nhiều y cứ, như đồ bình tưới, giúp đạo yếu duyên lý xếp vào vật nhẹ, không giống gậy, quạt, do lớn nhỏ không y cứ, dùng có thời hạn gồm cả Thánh giáo nên được chứa dùng. Bình tưới không như vậy, tùy thân tắm súc miệng, rửa dơ các việc thường cần nghĩa quyết nhẹ thân không nên xếp vào vật nặng. Lại các bộ ảnh nhau chẳng phải nặng là nhiều, cho nên luật Ngũ Phần chép: “Trừ bình tắm cho chia, còn bao nhiêu không nên chia”, đây chính là chánh xếp vào nhẹ, nếu y cứ lượng thông hội luật vốn xếp vào vật nặng là nói theo bình lớn. Cho nên luật Thập Tụng nói: “Bình tắm bằng đồng, hai đầu trở xuống là vật nhẹ”, đây thì hiển rõ con đường chung, xưa nay truyền trao đều y theo luật, ý do giúp thân tiếp đạo, việc thường nên dùng, lại chế tự tùy cho nên xếp vào nhẹ.

Lại các luật phán rõ chẳng dám tự lượng, cho nên trong luật Tăng-kỳ, người mới thọ giới cụ túc đã khiến chứa đồ ứng pháp, tấm gọi đem đi, biết rõ là phi pháp, không có khả năng theo đạo, có thể như bốn luật xếp vật nặng là đúng. Lại như dao ở duyên chánh yếu, đều đoán ở vật nhẹ, bình tưới là việc gấp hơn trước, nghĩa không phải thuộc về nặng cho nên rộng thông bộ khác, tinh luyện phải quấy, đã rộng lại tinh sự không do dự. Đã ngoài bình ngói đất nêu ở trên, lớn nhỏ và nặng nhẹ.

Thứ mười hai, nhiều các đồ bằng tạp chất kia, luật tự chia lạn, đều xếp vật nặng nêu lên như sau:

1- Đồ bằng sắt (lò luyện đúc, chảo, kìm, búa, ống bễ lò đúc, chất sắt, cái giũa v.v.... Các đồ và bao nhiêu than sắt v.v....

2- Đồ làm bằng gốm (vòng dây, túi bạc, xeng, gậy, tất cả các đồ đình trực và bao nhiêu bùn đất, ngói gạch...).

3- Đồ bằng da (bồn chảo, bàn ghế, dao cạo, cắt đốt, phát tạp loạn và bao nhiêu vật da lông sống, không nên chia).

4- Đố bằng trúc (nghĩa là thuộc dao cưa, hai là vàng trúc chẻ, bè các trúc xanh, và lau, sậy.. các thứ cỏ v.v....

5- Đố bằng cây (nghĩa là búa cưa chẻ tre, dụng cụ đục cắt và bao nhiêu vật bằng cây gỗ, củi v.v....

Năm điều trước thuộc về chủng loại vật nặng. Người xưa đồng lời đều giải thích rằng: “Bất luận nặng thành sở thành và bao nhiêu mô hình đều là nặng”, này thì lạm thông tướng nhẹ, lấy dụ khó chia. Nay lấy văn nghĩa nghiệm nhau, đều chỉ vật nặng thành như trước. Cho nên trong Luật nói: “Các đồ bằng cây không có chỗ đứng, Phật dạy làm tui đứng”, cho nên biết chẳng phải do bát mà thành. Nếu có đồ sẵn có như chảo, nồi... bình bồn v.v... đều thuộc về các môn. Nếu theo người xưa nói thì các đồ không có gì lưu đây nhiếp liền vọng nêu nhiều vị lương phí công dịch, kia đồ da thuộc như trong luật Thập Tụng nói thuộc về vật nhẹ. Ba loại da y-lê kỳ-la ở trước đã là sống, Tứ Phần không xếp, chỉ y cứ thả da, cho nên biết ba da không xếp vào phần hạn, ở biên giới áo da khai cho chúa, không tướng ba y cần gì ở vật nhẹ, nếu đến thành thị da lại xếp vào vật nặng, biên giới khai cho ngồi, cần gì ở vật nhẹ, dấu chấp nhận đồ da thuộc đầy cả sau dùng, do tất cả áo da không cho mặc, bao nhiêu dùi, dao, tạp khí, y theo lệ cả hai dụ, nếu thường phát họa làm bằng cây, nên thuộc về nặng, nếu thường nghĩ theo thân vá chỗ rách, liền xếp vào loại nhẹ.